TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2021/DS-PT
Ngày 16-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Trung Dũng.
Các Thẩm phán:	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;
	Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Hữu P, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 4A, Đại lộ B, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 1A, đường T, phường T, Quận A, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2019).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số S, Văn Công K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Bảo Q, sinh năm 1976 – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Lê P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH H; địa chỉ: Số F, Văn Công K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số S, Văn Công K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Số H, đường N, phường A, Quận A, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số A, Đại lộ B, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Huỳnh Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện của nguyên đơn ông Vũ Thanh Hải trình bày:

Giữa ông Huỳnh Hữu P và ông Huỳnh Quốc T có mối quan hệ quen biết nhau. Trong thời gian năm 2014, ông Huỳnh Hữu P đã cho ông Huỳnh Quốc T vay tiền nhiều lần, số tiền tổng cộng là 2.808.000.000 đồng, cụ thể từng lần như sau:

1. Ngày 28/8/2014 vay số tiền 1.300.000.000 đồng;

2. Ngày 04/9/2014 vay số tiền 200.000.000 đồng;

3. Ngày 13/9/2014 vay số tiền 180.000.000 đồng;

4. Ngày 19/9/2014 vay số tiền 200.000.000 đồng;

5. Ngày 08/10/2014 vay số tiền 600.000.000 đồng;

6. Ngày 11/11/2014 vay số tiền 13.000.000 đồng;

7. Ngày 12/11/2014 vay số tiền 5.000.000 đồng (viết chung vào giấy nhận tiền ngày 11/11/2014);

8. Ngày 20/11/2014 vay số tiền 10.000.000 đồng;

9. Ngày 28/11/2014 vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 2.808.000.000 đồng.

Khi vay mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

Đầu tháng 12/2019, ông P đã yêu cầu ông T trả khoản vay và tiền lãi của số tiền nêu trên. Ngày 16/12/2019, ông Huỳnh Quốc T có văn bản gửi cho ông P không đồng ý việc trả nợ gốc lãi cho ông P.

Nay ông Huỳnh Hữu P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Quốc T phải trả cho ông P các khoản tiền gồm: Nợ gốc là 2.808.000.000 đồng và nợ lãi: Yêu cầu ông T phải trả lãi đối với số tiền 2.808.000.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2015 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tạm tính như sau:

+ Tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 là 24 tháng, lãi suất 0.75%/tháng: 2.808.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 24 tháng = 505.440.000 đồng;

+ Tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/5/2020 là 29 tháng, lãi suất 0.83%/tháng: 2.808.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 29 tháng = 675.885.600 đồng;

Tổng cộng gốc và lãi tạm tính là 3.989.325.600 đồng.

"Đối với giấy nhận tiền ghi ngày 28/11/2014, phần cuối của giấy nhận tiền có ghi "04-12-2014 - Đưa lại 100 Dưới bưng; 31/12/2014- Đưa lại nhà A" thì nội dung này không liên quan đến số tiền mà ông P khởi kiện ông T.

Đối với việc trình bày của bị đơn liên quan đến hợp đồng tín dụng thì ông P không có ý kiến, các hợp đồng tín dụng này là khoản vay của Công ty TNHH H với các ngân hàng, không liên quan đến tranh chấp vay cá nhân giữa ông P và ông T.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Giấy nhận tiền; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; công văn số 01/HSV, ngày 16/12/2019 (bản photo).

- Bị đơn ông Huỳnh Quốc T trình bày:

Giữa ông Huỳnh Quốc T và ông Huỳnh Hữu P không có mối quan hệ gì chỉ là quen biết, bạn bè. Ông T không vay mượn tiền ông Huỳnh Hữu P, sinh năm 1959; địa chỉ số A Đại lộ B, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương như yêu cầu khởi kiện của ông P trình bày. Vì vậy, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đối với các giấy biên nhận tiền vào các ngày 28/8/2014; ngày 04/9/2014; ngày 13/9/2014; ngày 19/9/2014; ngày 08/10/2014; ngày 11/11/2014; ngày 12/11/2014; ngày 20/11/2014; ngày 28/11/2014 (ông T đã được xem và đối chiếu bản chính) thì đây là chữ viết chữ ký nhận tiền của ông T ký nhận tiền của ông Huỳnh Hữu P. Tuy nhiên giấy nhận tiền này không chứng minh được đây là giao dịch vay mượn tiền giữa ông Huỳnh Quốc T và ông Huỳnh Hữu P, vì không thể hiện nội dung vay mượn, không thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên, không thể hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T. Hơn nữa nếu ông P cho ông T vay một số tiền lớn như vậy thì tại sao ông P không bắt buộc ông T phải thế chấp, hay cầm giữ tài sản gì, điều này rất vô lý.

Thực chất các giấy nhận tiền với số tiền tổng cộng là 2.808.000.000 đồng này là ông Huỳnh Hữu P trả nợ cho ông Huỳnh Quốc T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H nên ông T mới viết giấy nhận tiền cho ông Huỳnh Hữu P. Do ông P có vay tiền của Công ty TNHH H do ông T làm đại diện theo pháp luật, thông qua các Hợp đồng tín dụng số 12/2014/HĐTDHM-DN ngày 31/3/2014; Hợp đồng thế chấp số 0147/2014/BHD/HĐTCBL ngày 26/8/2014; Hợp đồng thế chấp số 0073/15/HĐBĐ/162 ngày 18/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 0073/15/HĐTDHM-DN/162/KUNN.01, ngày 19/5/2015.

Vì ông P cần tiền nhưng không có đủ điều kiện để vay tiền của ngân hàng nên ông P đã nhờ ông T là người đại diện của Công ty TNHH H ký hợp đồng tín dụng vay tiền giúp ông P để ông P sử dụng và ông P cùng vợ là bà Nguyễn Thị Anh Đ đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Huỳnh Hữu P để Công ty TNHH H vay tiền của các ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ nêu trên. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng đối với các khoản nợ vay của các ngân hàng nêu trên là hơn 5.000.000.000 đồng. Hiện nay Công ty TNHH H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho các ngân hàng và đã xóa thế chấp đối với các tài sản thế chấp của ông P, bà Đ. Hiện nay giữa ông P, ông T, Công ty TNHH H và các ngân hàng không có tranh chấp gì liên quan đến các hợp đồng tín dụng mà Công ty TNHH H đã vay giúp cho ông P.

Như vậy, đối trừ với số tiền mà ông P khởi kiện ghi trong các giấy nhận tiền mà ông P cung cấp thì hiện nay ông P còn nợ của Công ty TNHH H hơn 2.000.000.000

đồng nhưng ông Phước không trả cho Công ty TNHH H mà dùng các giấy nhận tiền này để khởi kiện ông T là không đúng, không có căn cứ. Lẽ ra Công ty TNHH H phải là người khởi kiện ông Huỳnh Hữu P để yêu cầu ông P phải trả số tiền hơn 2.000.000.000 đồng còn lại mà Công ty TNHH H đã vay và đã trả xong cho các ngân hàng giúp ông P.

Trong vụ án này ông T không có yêu cầu phản tố. Tuy nhiên số tiền ông P còn nợ Công ty TNHH H từ việc vay ngân hàng trong các hợp đồng tín dụng nêu trên là hơn 2.000.000.000 đồng thì ông T sẽ đại diện Công ty TNHH H có đơn yêu cầu độc lập đối với ông P trong vụ án.

Còn đối với yêu cầu khởi kiện của ông P cho rằng ông T có vay tiền ông P thì ông P phải có nghĩa vụ chứng minh.

Đối với giấy nhận tiền ngày 28/11/2014, phần cuối của giấy nhận tiền có ghi "04-12-2014 - Đưa lại 100 Dưới bưng; 31/12/2014 - Đưa lại nhà A" thì nội dung này không phải nội dung mà ông T ghi. Ông P phải chứng minh giữa ông T và ông P có hợp đồng vay mượn tiền đối với số tiền mà ông P đang khởi kiện ông T.

Nếu như ông T có vay tiền của ông P từ năm 2014 đến nay, một khoản thời gian rất dài như vậy mà đến tháng 12/2019 ông P mới gửi thông báo đòi nợ thì không hợp lý. Sau khi nhận thông báo đòi nợ của ông P thì ông T có làm văn bản trả lời gửi cho ông P vào ngày 16/12/2019.

Bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 12/2014/HĐTDHM-DN, ngày 31/3/2014; Hợp đồng thế chấp số 0147/2014/BHD/HĐTCBL, ngày 26/8/2014; Hợp đồng thế chấp số 0073/15/HĐBĐ/162, ngày 18/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 0073/15/HĐTDHM-DN/162/KUNN.01, ngày 19/5/2015 (bản photo).

- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H là ông Huỳnh Quốc T trình bày:

Ông Huỳnh Quốc T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H. Với tư cách là người đại diện của Công ty TNHH H ông T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên.

Công ty TNHH H giao nộp tài liệu chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 12/2014/HĐTDHM-DN, ngày 31/3/2014; Hợp đồng thế chấp số 0147/2014/BHD/HĐTCBL, ngày 26/8/2014; Hợp đồng thế chấp số 0073/15/HĐBĐ/162, ngày 18/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 0073/15/HĐTDHM-DN/162/KUNN.01, ngày 19/5/2015 (bản photo).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Vũ Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, thay đổi đối với khoản tiền lãi. Cụ thể yêu cầu ông Huỳnh Quốc T phải trả các khoản tiền sau: Nợ gốc là 2.808.000.000 đồng và nợ lãi: Yêu cầu ông T phải trả lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 30/9/2020 là 09 tháng theo mức lãi suất 0,83%: đối với số tiền 2.808.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng = 209.757.600 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 3.017.757.600 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Huỳnh Quốc T.

Buộc ông Huỳnh Quốc T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Hữu P số tiền 3.017.757.600 đồng (ba tỷ không trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng), trong đó nợ gốc: 2.808.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu đồng); lãi suất: 209.757.600 đồng (hai trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2020, bị đơn ông Huỳnh Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm tranh luận: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bằng các chứng cứ là các Giấy biên nhận tiền các ngày 28/8/2014; ngày 04/9/2014; ngày 13/9/2014; ngày 19/9/2014; ngày 08/10/2014; ngày 11/11/2014; ngày 12/11/2014; ngày 20/11/2014 và ngày 28/11/2014. Tuy nhiên, nội dung trên các giấy biên nhận này hoàn toàn không thể hiện nội dung vay tiền, mục đích việc giao tiền nên không có căn cứ để xác định đây là số tiền cho vay. Ngày 09/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 149/TB-TLVA về việc Công ty TNHH H yêu cầu ông Huỳnh Hữu P và bà Nguyễn Thị Anh Đ trả số tiền là 2.794.000.000 đồng (gốc và lãi) dựa trên những chứng cứ trên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm nhập 02 vụ án với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bằng các chứng cứ là các Giấy biên nhận tiền các ngày 28/8/2014; ngày 04/9/2014; ngày 13/9/2014; ngày 19/9/2014; ngày 08/10/2014; ngày 11/11/2014; ngày 12/11/2014; ngày 20/11/2014 và ngày 28/11/2014. Tuy nhiên, nội dung trên các giấy biên nhận này hoàn toàn không thể hiện nội dung vay tiền, mục đích việc giao tiền nên không có căn cứ để xác định đây là số tiền cho vay. Bị đơn không thừa nhận số tiền này là vay hay mượn của nguyên đơn nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh bị đơn nhận tiền của nguyên đơn cho mục đích khác không phải là vay, mượn tiền. Đồng thời ngày 09/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 149/TB-TLVA về việc Công ty TNHH H yêu cầu ông Huỳnh Hữu P và bà Nguyễn Thị Anh Đ trả số tiền là 2.794.000.000 đồng (gốc và lãi). Ông T cho rằng những Giấy biên nhận tiền các ngày 28/8/2014, ngày 04/9/2014, ngày 13/9/2014, ngày 19/9/2014, ngày 08/10/2014, ngày 11/11/2014, ngày 12/11/2014, ngày 20/11/2014 và ngày 28/11/2014 có trong hồ sơ vụ án chính là những chứng cứ ông P giao tiền cho ông T để nộp tiền vay ngân hàng có liên quan đến vụ án theo thông báo thụ lý vụ án trên nên để đảm bảo việc đánh giá chứng cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm nhập 02 vụ án với nhau.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Hữu P là nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Quốc T phải trả tiền mượn và lãi theo các biên nhận tiền (09 lần) từ ngày 28/8/2014 đến ngày 28/11/2014 với tổng số tiền 2.808.000.000 đồng. Khi cho vay mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

Đầu tháng 12 năm 2019, ông P yêu cầu ông T trả khoản tiền vay và lãi nêu trên. Ngày 16/12/2019, ông T có văn bản không đồng ý trả, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả gốc 2.808.000.000 đồng.

Lãi suất:

+ Tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016: 24 tháng lãi suất 0,75%/tháng = 505.440.000 đồng.

+ Tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/5/2020 là 29 tháng lãi suất 0,83%/ tháng = 675.885.600 đồng.

Tổng gốc và lãi suất là: 3.989.352.600 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Quốc T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có mối quan hệ gì chỉ quen biết và khẳng định không có vay mượn tiền của ông P nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với các giấy biên nhận tiền các ngày 28/8/2014; ngày 13/9/2014; ngày 19/9/2014; ngày 08/10/2014; ngày 11/11/2014; ngày 12/11/2014; ngày 20/11/2014 và ngày 28/11/2014. Tuy chữ viết chữ ký nhận tiền của bị đơn, ký nhận tiền của nguyên đơn nhưng giấy nhận tiền này không chứng minh được đây là giao dịch vay mượn không thể hiện nội dung vay mượn, không thể hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, nếu nguyên đơn cho vay số tiền lớn không yêu cầu thế chấp tài sản.

Tại cấp sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/9/2020 là 09 tháng theo mức lãi suất 0,83%. Đối với số tiền 2.808.000.000 đồng x 0,83% x 9 tháng = 209.757.600 đồng.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các giấy biên nhận, giấy nhận tiền từ ngày 28/8/2014 đến ngày 28/11/2014. Tổng cộng 2.808.000.000 đồng (bút lục 44, 48).

Bị đơn ông Huỳnh Quốc T thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy biên nhận, giấy nhận tiền theo các ngày tháng năm trên là do nguyên đơn ký tên nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về nội dung các giấy biên nhận, giấy nhận tiền không thể hiện việc vay mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn thanh toán.

Phía bị đơn cho rằng thực tế các giấy biên nhận, giấy nhận tiền 2.808.000.000 đồng là số tiền mà bị đơn trả nợ cho nguyên đơn bởi vì bị đơn là giám đốc Công ty TNHH H. Khi đó, ông P có nhu cầu vay tiền nhưng không đủ điều kiện để vay tiền tại ngân hàng nên nguyên đơn nhờ bị đơn là giám đốc Công ty TNHH H vay 03 hợp đồng tín dụng, vay tiền giúp nguyên đơn. Ngược lại vợ chồng của nguyên đơn đã dùng tài sản của mình thế chấp 03 quyền sử dụng đất để vay tiền trên 5.000.000.000 đồng (từ năm 2014 – 2015). Công ty TNHH H đã thanh toán xong cho các ngân hàng và đã xóa thế chấp tài sản của ông P, bà Đ. Như vậy, công ty TNHH H và ngân hàng không còn liên quan đến các hợp đồng tín dụng và công ty đã giúp ông P vay tiền. Qua tính toán với số tiền mà các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn theo các giấy biên nhận, giấy nhận tiền thì hiện nay ông P vẫn còn nợ công ty TNHH H số tiền hơn 2 tỷ nhưng ông P không trả cho công ty mà dùng các giấy biên nhận, giấy nhận tiền để khởi kiện bị đơn là không đúng. Đúng ra, công ty TNHH H đứng ra khởi kiện ông P để đòi lại 02 tỷ đồng còn nợ công ty TNHH H đã vay.

Phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn các hợp đồng tín dụng mà bị đơn cung cấp đều không thể hiện ông P có vay tiền của bị đơn hoặc của công ty TNHH H và phía ông P chỉ có thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất của nguyên đơn cho công ty TNHH H tại ngân hàng để vay tiền chứ không liên quan đến chuyện vay mượn tiền giữa ông P và ông T. Hơn nữa, trường hợp bị đơn có vay tiền của ông P nhưng từ năm 2011 kéo dài đến cuối năm 2019, phía nguyên đơn mới khởi kiện đòi lại tiền là không hợp lý. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm phía bị đơn cũng như công ty TNHH H không yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp các tài liệu thể hiện chứng cứ chứng minh đơn khởi kiện của công ty TNHH H khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị Anh Đ đã được Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý số 149/TB-TLVA ngày 09/6/2021. Công ty TNHH H cho rằng ông Huỳnh Hữu P là thành viên của công ty với tỷ lệ vốn góp 10%. Năm 2014 – 2015, ông P và bà Đ mượn danh nghĩa pháp nhân công ty để vay ngân hàng số tiền hơn 5.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/11/2014 đến ngày 28/11/2015, ông P đã trả cho công ty mà ông Huỳnh Quốc T là người nhận tiền 2.808.000.000 đồng; đến ngày 06/5/2016, ông P trả cho Công ty TNHH H 1.507.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.200.000.000 đồng, vợ chồng ông P không trả nên Công ty TNHH H khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu thanh toán gốc và lãi phát sinh 2.794.000.000 đồng.

Xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm, tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án để tham gia đối chất nhưng nguyên đơn không có mặt để đối chất. Như vậy, để làm rõ các giấy biên nhận, giấy nhận tiền của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán và việc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu P là thành viên Công ty TNHH H với vốn góp 10%. Năm 2014 – 2015, vợ chồng ông Huỳnh Hữu P và bà Nguyễn Thị Anh Đ thế chấp tài sản của mình là các quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H do Công ty TNHH H mà ông Huỳnh Quốc T làm giám đốc đại diện ký các hợp đồng tín dụng có mối quan hệ như thế nào?

Việc bị đơn nhận tiền của nguyên đơn là để trả nợ cho ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng mà Công ty TNHH H đã đứng ra vay giùm trước đó, vì nguyên đơn

trả lại tiền cho bị đơn để Công ty TNHH H thanh toán cho ngân hàng chứ bị đơn khẳng định không vay tiền của nguyên đơn, nếu có vay thì sử dụng vào mục đích gì, không có thời hạn trả kể cả về lãi suất cũng không có thỏa thuận. Trong khi đó việc vay tiền ở ngân hàng phải chịu lãi suất (thể hiện ở các giấy biên nhận và giấy nhận tiền). Tại giấy nhận tiền (bút lục 46) thể hiện Huỳnh Quốc T có nhận của anh P số tiền 600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng Sài Gòn bank (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương) ngày 08/10/2014. Tại Công văn số 50/KD-2021 ngày 24/5/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương – Chi nhánh Bình Dương cung cấp như sau: Ngày 31/3/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương – Chi nhánh Bình Dương đã ký hợp đồng tín dụng số 12/2014/HĐTDHM-DN ngày 31/3/2014 cho Công ty TNHH H vay 2.000.000.000 đồng; tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH H theo hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất 2.532m^2 đất khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, tài sản do ông Huỳnh Hữu P và bà Nguyễn Thị Anh Đ đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20/HĐBĐ-2021 ngày 31/3/2014. Qúa trình vay vốn tại ngân hàng phía Công ty TNHH H đã thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 13/5/2015, ngân hàng đã giải chấp tài sản vào giấy tờ về tài sản cho ông P theo quy định.

[3] Xét thấy, cần làm rõ các vấn đề trên phải điều tra, xác minh, thu thập các chứng cứ cũng như đối chất mới giải quyết đúng bản chất của vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong vụ án nên hủy bản án sơ thẩm để giao về cấp sơ thẩm nhập vụ án mà Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý ngày 09/6/2021 để giải quyết toàn diện và triệt để của vụ án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Quốc T.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Quốc T không phải nộp. Hoàn trả cho ông Huỳnh Quốc T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050553 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông Nguyễn Trọng T nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng